

Bản án số: 567/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 8 - 2019

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Trần Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Em;

2. Ông Ngô Hữu Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thơm – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bích T, sinh năm 1974 (Có mặt);

Địa chỉ: Số H Tổ 67, Khu phố 5, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1973 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số M Tôn Đản, Phường 8, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh;

Tạm trú: Số S Tân Mỹ, Khu phố 4, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2019 và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Bích T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hoàng L qua thời gian tìm hiểu một năm, cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 92, quyển số 01/2004 đăng ký ngày 20/7/2004 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do ông

L thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến vợ, con nên bà nghi ngờ ông Nguyễn Hoàng L có quan hệ tình cảm người phụ nữ khác vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn. Bà đã nhiều lần nói chuyện để ông Nguyễn Hoàng L thay đổi nhưng không có kết quả nên từ năm 2017 cho đến nay vợ chồng đã không còn quan tâm, chung sống với nhau, ông L đã dọn ra phòng trọ bên ngoài sinh sống. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn và không còn khả năng đoàn tụ nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng L.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Hoàng L có 01 con chung họ tên là Nguyễn Thủy T, sinh ngày 28/02/2003, hiện đang sống với bà. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng L cấp dưỡng nuôi con chung .

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Tại phiên tòa, bà T vẫn xác định lại các yêu cầu như trên và trình bày bổ sung về nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L thiếu trách nhiệm với gia đình, không chăm lo cho vợ con, quá trình chung sống ông L không phụ bà về kinh tế để xây dựng gia đình và nuôi con.

Về phía bị đơn, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Hoàng L vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; về xác định tư cách tham gia tố tụng; xác Minh , thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý; Về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

* Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L có đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Do hai bên mẫu thuẫn, không cùng quan điểm sống khi sống chung, hay cãi vã vì thiếu tin tưởng nhau, nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu của bà T được ly hôn với ông L là có cơ sở để chấp nhận.

- Về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, do con chung hiện đang chung sống với bà T; bà T là người chăm sóc, đưa đón con đi học, có công việc ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung; Trẻ Nguyễn Thủy T có nguyện vọng muốn sống với mẹ nên yêu cầu được nuôi con chung của bà T là có cơ sở. Đối với bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Thị Bích T yêu cầu khởi kiện ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Hoàng L và ông L đang cư trú tại Quận 7; Đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về phía bị đơn, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải theo quy định pháp luật và thuộc trường hợp đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì ông Nguyễn Hoàng L đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng nên ông L phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo

quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc theo những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Bích T và ông Nguyễn Hoàng L tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn vào năm 2004.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 92, quyển số 01/2004 đăng ký ngày 20/7/2004 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có đủ cơ sở để xác định bà T và ông L là vợ chồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Về yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng L của bà Lê Thị Bích T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Hoàng L không nộp bản tự khai, không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia hòa giải, không có các biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng thể hiện sự thiếu quan tâm đến việc xây dựng quan hệ hôn nhân. Mặt khác, với những mâu thuẫn do bà T trình bày thì quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L cũng chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp lý sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau. Nên việc bà T yêu cầu ly hôn với ông L là có căn cứ chấp nhận phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

- Về con chung: Căn cứ vào Trích lục khai sinh số 1190/TLKS-BS ngày 30/11/2016 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và lời khai của bà T đã có đủ cơ sở để kết luận: bà T và ông L có 01 (một) con chung là Nguyễn Thủy T, sinh ngày 28/02/2003.

Theo bản ghi nhận ý kiến ngày 21/03/2019, trẻ Nguyễn Thủy T có nguyện vọng muốn sống với bà T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của bà T thì hiện trẻ Nguyễn Thủy T, đang sống với bà T, bà T là người trực tiếp chăm sóc, đưa đón đi học và có công việc ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung; Trẻ Nguyễn Thủy T, có nguyện vọng muốn sống với mẹ nên yêu cầu được nuôi con chung của bà T là có cơ sở để chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử giao trẻ Nguyễn Thủy T cho bà Lê Thị Bích T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị Bích T xác nhận tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Bà Lê Thị Bích T xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị Bích T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[4] Quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Bích T và ông Nguyễn Hoàng L có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Hoàng L.

2. Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

2.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Bích T và ông Nguyễn Hoàng L (Giấy chứng nhận kết hôn số 92, quyển số 01/2004 đăng ký ngày 20/7/2004 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh).

2.2. Về con chung: Có 01 con chung họ tên là Nguyễn Thủy T, sinh ngày 28/02/2003. Giao con chung là trẻ Nguyễn Thủy T cho bà Lê Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Bích T về việc không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng L cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Hoàng L có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung và không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Nếu có yêu cầu, các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

2.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

2.4 Về nợ chung: Không có.

2.5. Án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn)

đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0026699 ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Lê Thị Bích T được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THA DS Quận 7;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Dương sự;
- Lưu, hồ sơ (Thơm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Trần Cảnh